

2. Bà Hoàng Thị Hồng P, sinh năm 1972; có mặt.

3. Bà Hoàng Thị Hồng T2, sinh năm 1970; có mặt.

Cùng địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị T, bà Hoàng Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Hồng T2: Luật sư Vũ Thị T3 - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Đ N, T, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C - chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết K - chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; vắng mặt.

3. Ông Hoàng Chung K1, sinh năm 1975; vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án, người khởi kiện bà Lê Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị Hồng P, Hoàng Thị Hồng T2 trình bày:

Mẹ các ông bà là Nguyễn Thị N là chủ sử dụng đất được HTX N1 giao đất 5% đất kinh tế gia đình từ năm 1979.

Thực hiện Dự án dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T, thành phố Hà Nội. Ngày 27/9/2022, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND về việc thu hồi 221,8m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 36 địa chỉ Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội đất đối với bà Nguyễn Thị N. Cùng ngày, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4853/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó gia đình được bồi thường về đất 135.000 đồng/m². Bồi thường về tài sản bao gồm 03 ngôi nhà xây dựng trên đất là 03 nhà do ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị Hồng P, Hoàng Thị Hồng T2 xây dựng đã được bố mẹ cho đất tại biên bản họp gia đình ngày 08/6/2012 có xác nhận của UBND xã N ngày 10/8/2012. Theo Biên bản chia đất thì ông Hoàng Ngọc D1 được chia 80,5m². Bà Hoàng Thị Hồng P được chia 110m², bà Hoàng Thị Hồng T2 được chia 64m². Bà P, bà T2 trình bày, sau khi

được chia đất tiến hành xây dựng nhà và làm xưởng sản xuất cơ khí, nhà cao 4m, mái lợp tôn xộp, nền bê tông, có nhà vệ sinh, təc nước.

Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 187.466.852 đồng.

Ngày 15/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 856/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, với nội dung do không chấp hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

Ngày 30/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T đã tiến hành tổ chức cưỡng chế không đúng quy định của pháp luật phá dỡ tài sản của gia đình.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, ngày 18/9/2023, các ông bà đã gửi đơn khởi kiện đến tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Đề nghị tuyên bố hành vi hành chính trong việc tổ chức cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện T là trái quy định pháp luật.

Bà Lê Thị T trình bày: Ông Hoàng Văn D chết ngày 29 tháng 02 năm 2024. Bà là vợ của ông D. Bà và ông D sinh được hai con là Hoàng Đức T1, và Hoàng Đức M. Ông D được chia đất và đã xây dựng nhà từ năm 1992, nhà cấp 4 cao 3,2m, mái lợp tôn xộp, nền lát gạch men, có nhà vệ sinh, nhà tắm.

UBND huyện T không thực hiện đúng quy định của pháp luật về quy trình thu hồi đất dẫn đến quyền lợi của gia đình bị xâm phạm.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:

Trình tự thực hiện để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố H: Số 10/2017/QĐ- UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố, Hà Nội; số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố, Hà Nội và số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T;

Căn cứ Quyết định số 7413/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T; Căn cứ Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Khu - đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện T về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Biên bản về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của Tổ công tác; Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2024;

Căn cứ Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T5 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm

cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Trình tự thực hiện để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N.

* Trình tự thực hiện:

Thực hiện Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 và Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/08/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 về việc thu hồi đất của UBND huyện T. Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND xã N, UBNDTTQ xã N, Tổ công tác tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án theo đúng quy định..

Căn cứ quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định các nội dung thuộc thẩm quyền UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ công tác đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các quy định: Tổ công tác phối hợp các ban, ngành đoàn thể xã triển khai họp các hộ dân thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất ngày 22/6/2021; Triển khai họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp tổ công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền đất thu hồi ngày 25/10/2021; Công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; Công khai và giao Quyết định cưỡng - chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/02/2022; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc Ngày 25/02/2022; Tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/02/2022; Công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; Tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; Công khai và giao quyết định phê duyệt kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; Vận động, thuyết phục các hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023. Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: “Trường hợp sau khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn cố tình không nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư và không chấp hành việc bàn giao đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai”.

* Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022:

Về đất: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm tại các xã đồng bằng là 135.000 đồng/m².

- Về tài sản gắn liền với đất được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/QĐ-UBND.

Như vậy: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N đã được phê duyệt theo đúng quy định.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện T về việc ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N là đảm bảo theo quy trình, trình tự thủ tục có đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

Các nội dung kiến nghị của ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Hồng T2, Ủy ban nhân dân huyện đã xem xét và giải quyết theo thẩm quyền. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của D, bà P, bà T2(là các con của bà Nguyễn Thị N).

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã N:

Căn cứ theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND xã N: Theo bản đồ do đạc năm 1986: Thửa đất gia đình bà Nguyễn Thị N đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 333, tờ bản đồ số 01 thổ canh, diện tích 312m², loại đất: 1L. Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 300m², loại đất: LM.

Thửa đất nằm tại xã Đ Trên, có nguồn gốc là đất kinh tế gia đình được HTX giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 262/2024/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, 194, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí: Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị T, anh Hoàng Đức T1, Hoàng Đức M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn D đã chết), bà Hoàng Thị Hồng T2, Hoàng Thị Hồng P.

- Hủy phần Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T, thành phố Hà Nội về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N.

Buộc UBND huyện T phải phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định của pháp luật như đã nhận định (điều chỉnh bổ sung về phần bồi thường, hỗ trợ đối với 01 nhà xây dựng năm 1995).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị T, anh Hoàng Đức T1, Hoàng Đức M (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn D đã chết), bà Hoàng Thị Hồng T2, Hoàng Thị Hồng P đối với yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T thành phố Hà Nội về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hành vi hành chính Chủ tịch UBND huyện T trong việc cưỡng chế là trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2024 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Hoàng Văn D là bà Lê Thị T; người khởi kiện bà Hoàng Thị Hồng P và bà Hoàng Thị Hồng T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện, người kế thừa quyền nghĩa vụ của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại giai đoạn sơ thẩm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị tạm đình chỉ vì đã nộp đơn nhưng không có phiếu nhận đơn, không có căn cứ về việc thụ lý đơn, ở giai đoạn sơ thẩm không yêu cầu; không có tài liệu, người làm chứng chứng minh nhà xây năm 1992.

Người bị kiện: Vắng mặt, không gửi ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã N có văn bản đề nghị căn cứ các tài liệu có liên khác thu thập được trong quá trình giải quyết để giải quyết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không gửi ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét đề nghị tạm đình chỉ không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Xét kháng cáo của người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, căn cứ vào các ý kiến trình bày của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới, không chứng minh được kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Đơn kháng cáo của các đương sự hợp lệ, được gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập hợp lệ tuy nhiên một số đương sự vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2.1] Về trình tự thủ tục thẩm quyền, thời hạn, ban hành các Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 26/8/2022. Đồng thời căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 69, 70 Luật Đất đai; về vấn đề này Hội đồng xét xử xác định đã phù hợp pháp luật.

[2.2] Xét nội dung Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 và Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc:

Nhận thấy: Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, UBND xã N đã vận động, thuyết phục đối với các hộ gia đình chưa thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm về đất đai, tài sản trên đất. Tuy nhiên, các hộ không phối hợp thực hiện, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị N. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định về việc kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình bà N là có căn cứ, đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 69 và Điều 70 Luật Đất đai 2013.

[2.3] Về thẩm quyền, căn cứ ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất. Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 43; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ; quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Ngày 27/9/2022 của UBND huyện T ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND về việc

thu hồi đất; Quyết định số 4853/QĐ-UBND việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là đúng trình tự, đúng thẩm quyền.

[2.4] Xét nội dung Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Về dự án: Dự án Khu - đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T mục dự án thu hồi đất năm 2022.

- Chủ đầu tư: UBND Huyện T. Đơn vị quản lý và triển khai dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T.

- Mục tiêu đầu tư: Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N thôn Y (không thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật) để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách, tái đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chung của xã và huyện.

Thực hiện quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã N (thôn Y) tránh để hoang hóa lãng phí đất, thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để đáp ứng nhu cầu về đất của nhân dân và tạo nguồn thu ngân sách.

- Diện tích lập quy hoạch: 8.704m².

- Tổng mức đầu tư dự án: 5.415.597.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.

* Quá trình thực hiện lập dự án:

Ngày 30/10/2018, UBND huyện T có Quyết định số 7413/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T .

Ngày 18/10/2019 ban Q có Tờ trình số 967/TTr- BQLDADDTXD kèm theo hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N thôn Y huyện T và phòng tài chính - Kế hoạch tại báo cáo thẩm định số 425/BC-TCKH ngày 24/10/2019. Ngày 28/10/2019 UBND huyện T có quyết định số 4222/UBND về việc phê duyệt báo cáo khả thi Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N thôn Y huyện T.

Ngày 10/12/2021 Hội đồng nhân dân thành phố H đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022. Trong đó có Dự án Khu - đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N.

Ngày 06/10/2021 UBND huyện T có thông báo số 441/TB-UBND về việc thu hồi đất và Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/8/2022 về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất.

Ngày 19/01/2022 UBND Thành phố H đã có Quyết định số 260/QĐ-UBND

về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện T.

Do đó thuộc dự án Nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 “*Thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng*”.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ gia đình bà Nguyễn Thị N:

Theo bản đồ do đạc năm 1986: Thửa đất gia đình bà Nguyễn Thị N đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 333, tờ bản đồ số 01 thổ canh, diện tích 312m², loại đất: 1L. Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 300m², loại đất: LM.

Thửa đất nằm tại xã Đ Trên, có nguồn gốc là đất kinh tế gia đình được HTX giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi 221,8m² đất là đúng quy định của pháp luật.

Về Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về bồi thường, hỗ trợ:

Theo nội dung Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N (kèm theo phương án chi tiết): *Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 187.466.952 đồng, trong đó gồm: bồi thường về đất là: 135.000 đồng x 221,8m² = 29.943.000 đồng; Bồi thường, Hỗ trợ về tài sản 01 nhà xây dựng năm 1995, mức bồi thường 50% giá trị tài sản; 02 nhà xây dựng năm 2009, mức bồi thường, hỗ trợ 10% (áp dụng khoản 3 Điều 14 Điều 10/QĐ-UBND. Thưởng tiến độ: 665.400 đồng.*

Xét thấy: Việc bồi thường đối với 221,8m² đất nông nghiệp: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội theo đơn giá 135.000đ/m² đất nông nghiệp là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H.

* Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo biên bản điều tra, kiểm đếm đo đạc ngày 28/02/2022 và Giấy xác nhận việc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất ngày 30/8/2022 thể hiện:

- Người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất: Hộ gia đình bà Nguyễn Thị N.

- Tài sản gắn liền với đất: Hộ gia đình bà N có 03 công trình gắn liền với đất bị thu hồi:

+ Nhà 01 tầng diện tích 88,59m². Năm xây dựng 1995.

+ Nhà 01 tầng diện tích 74,68m². Năm xây dựng 2009.

+ Nhà 01 tầng diện tích 100,41m². Năm xây dựng 2009.

+ Thuởng tiền độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Theo Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo phương án chi tiết thì UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N về cơ bản là đúng quy định.

Riêng đối với phần bồi thường công trình đối với nhà 01 tầng, diện tích 88,59m² xây dựng năm 1995 thì chưa đúng quy định (*theo Quyết định 4853/QĐ-UBND bồi thường 50% giá trị xây dựng*). Do đó phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (*Hỗ trợ bằng 40% đơn giá đất ở*).

Điều 23. Hỗ trợ đối với hộ gia đình cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được giao đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng công trình.

1. Đối với hộ gia đình đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng công trình để ở mà không có văn bản ngăn chặn, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo quy định, hộ gia đình, cá nhân còn được hỗ trợ về đất như sau:

a)

b) Hỗ trợ bằng 40% đơn giá đất ở theo bảng giá đất của UBND thành phố đối với trường hợp chuyển đổi từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004.

Diện tích đất được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 1 điều này là diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở bị thu hồi nhưng tối đa không quá hạn mức giao đất ở mới tối đa của địa phương.

Do đó, cần hủy phần quyết định số 4853/QĐ-UBND của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và phương án. Buộc UBND huyện T phải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị N cho đúng quy định của pháp luật (điều chỉnh bổ sung hỗ trợ 40% đơn giá đất ở đối với 01 nhà xây dựng năm 1995 như đã phân tích trên).

Các phần khác của Quyết định 4853/QĐ-UBND của UBND huyện T đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Xét Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Về thẩm quyền, căn cứ ban hành Quyết định: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 4842/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi đất; Tờ trình số 28/TTr -TN&MT ngày 15/3/2023 của Phòng tài nguyên và môi trường. UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng.

[2.6] Đối với yêu cầu về việc tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện và UBND xã thực hiện việc cưỡng chế trái pháp luật nhận thấy:

Tổ công tác phối hợp các ban, ngành đoàn thể xã N triển khai họp các hộ dân thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất ngày 22/6/2021; Triển khai họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp tổ công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền đất thu hồi ngày 25/10/2021; Công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; Công khai và giao Quyết định cưỡng - chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/02/2022; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc Ngày 25/02/2022; Tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/02/2022; Công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; Tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; Công khai và giao quyết định phê duyệt kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; Vận động, thuyết phục các hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023. Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: “Trường hợp sau khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn cố tình không nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư và không chấp hành việc bàn giao đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi

đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định”. Vào hồi 8 giờ 00 ngày 30/3/2023, Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế theo Thông báo số 159/TB-UBND ngày 27/3/2023 về thay đổi thời gian cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai và tổ chức cưỡng chế theo qui định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 11 Thông tư 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4; Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy, UBND xã N và Chủ tịch UBND huyện T đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đến hộ gia đình bà N theo đúng quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để hủy phần Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T, thành phố Hà Nội về phê quyết phương án bồi thường hỗ trợ.

Buộc UBND huyện T phải phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định của pháp luật (điều chỉnh bổ sung về phần bồi thường, hỗ trợ đối với 01 nhà xây dựng năm 1995).

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất và hành vi hành chính Chủ tịch UBND huyện T trong việc cưỡng chế là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm đã phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Hoàng Thị Hồng P và bà Hoàng Thị Hồng T2. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Lê Thị T, bà Hoàng Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Hồng T2 phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Hoàng Văn D là bà Lê Thị T; người khởi kiện bà Hoàng Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Hồng T2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 262/2024/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T, bà Hoàng Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Hồng T2 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0076917 ngày 07/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến